

Bản án số: 32/2018/DS-ST

Ngày: 17-10-2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và bà Nguyễn Thị Tơ

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vĩnh Nguyên - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 59/2018/QĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Kim T**, sinh năm: 1968 (*Có mặt*)

Ông **Mai Văn D**, sinh năm: 1971 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Khu phố 1, Tân Nghĩa, Hàm Tân, Bình Thuận

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị C**, sinh năm: 1960 (*Có mặt*)

Ông **Võ D**, sinh năm: 1956 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu phố 2, Tân Nghĩa, Hàm Tân, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T, ông Mai Văn D trình bày: Ngày 25/3/2016 âm lịch, ông Võ D, bà Trần Thị C có vay mượn của vợ chồng ông, bà số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, hạn đến ngày 25/12/2016 âm lịch sẽ trả hết số tiền này. Quá hạn trả tiền, ông D, bà C không chịu trả tiền nên vợ chồng ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ D, bà Trần Thị C phải trả số tiền 60.000.000 đồng và lãi suất 9%/năm từ ngày vay (ngày 25/3/2016 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị C trình bày: Năm 2016, vợ chồng ông, bà có mượn 46.000.000 đồng (23.000.000 đồng x 2 lần) của bà T, ông D. Vợ chồng bà trả góp 400.000 đồng/ngày, góp trong vòng 05 tháng là 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà cho rằng đã trả 49.000.000 đồng cho bà T, ông D nên chỉ còn nợ 11.000.000 đồng và chỉ trả số tiền này. Bà xác nhận chữ viết, chữ ký trong Giấy mượn tiền ngày 25/3/2016 mà bà T, ông D cung cấp

là chữ ký, chữ viết của bà. Khi bà mượn tiền, ông D là chồng của bà không biết. Bà sử dụng số tiền này vào mục đích chi tiêu trong gia đình.

Tại phiên tòa, bà C thay đổi lời khai cho rằng: Vào năm 2015, bà chỉ mượn của bà T, ông D 01 (một) lần với số tiền 46.000.000 đồng, tuy nhiên tính tiền lãi vào gốc nên ghi chung là 60.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận trả vừa gốc vừa lãi 200.000 đồng/1 ngày, 01 tháng trả 6.000.000 đồng. Trả trong vòng 05 tháng, đã trả được 49.000.000 đồng, còn thiếu 11.000.000 đồng. Bà chỉ đồng ý trả số tiền 11.000.000 đồng cho vợ chồng bà T, ông D.

Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà C, ông D phải trả cho vợ chồng bà T, ông D số tiền 60.000.000 đồng và lãi suất 9%/năm từ ngày 25/3/2016 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà C, ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Phạm Thị Kim T, ông Mai Văn D khởi kiện bà Trần Thị C, ông Võ D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bà C, ông D có địa chỉ tại khu phố 1, Tân Nghĩa, Hàm Tân, Bình Thuận. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông D không có mặt để giải quyết vụ án này mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Hội đồng vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 25/3/2016 âm lịch (tức ngày 01/5/2016 dương lịch) do vợ chồng bà T, ông D cung cấp đã thể hiện: Bà C có vay số tiền 60.000.000 đồng của bà T, ông D. Giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết của bà C và bà Chinh cũng đã xác nhận đây là chữ ký, chữ viết của bà. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định việc bà C vay số tiền 60.000.000 đồng là có thật và buộc phải hoàn trả số tiền này cho bà T, ông D.

Mặc dù trong giấy mượn tiền không có xác nhận nợ của ông D nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2018 và tại phiên tòa, bà C thừa nhận việc vay mượn tiền là để đáp ứng, trang trải nhu cầu thiết yếu là trả tiền điện, nước và trả tiền Ngân hàng cho gia đình. Do đó, ông D phải có trách nhiệm liên đới cùng bà C trả số tiền 60.000.000 đồng cho bà T, ông D theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Lời khai của bà C trước sau bất nhất, tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2018, bà C cho rằng năm 2016 có vay 02 lần, mỗi lần 23.000.000 đồng, tổng cộng 46.000.000 đồng, góp mỗi ngày 400.000 đồng, trong vòng 05 tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà C lại cho rằng năm 2015, bà chỉ có vay 01 lần với số tiền 46.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, góp trong vòng 05 tháng. Xét thấy: Nếu góp 200.000 đồng/ngày x 5 tháng = 30.000.000 đồng, cũng không đến 49.000.000 đồng mà bà C khai nại là đã trả.

Bà C cho rằng bà đã trả cho bà T, ông D số tiền 49.000.000 đồng, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả nợ. Mặt khác, vợ chồng bà T, ông D không xác nhận có việc trả tiền của bà C. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai nại này của bà C.

- Về lãi suất: Mặc dù trong Giấy mượn nợ không ghi lãi suất, tuy nhiên nguyên đơn khai khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bị đơn cho rằng lãi suất lớn hơn 3%/tháng. Chứng tỏ việc vay mượn là có lãi suất. Tại phiên tòa, bà T, ông D chỉ yêu cầu ông D, bà C trả lãi suất 9%/năm từ ngày ngày 25/3/2016 âm lịch (tức ngày 01/5/2016 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi suất được tính như sau: 60.000.000 đồng x 9%/năm x 2 năm 05 tháng 16 ngày = 13.290.000 đồng.

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, ông T cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà T, ông D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà C, ông D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357, 463, 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim T, ông Mai Văn D. Buộc bà Trần Thị C, ông Võ D phải trả cho bà Phạm Thị Kim T, ông Mai Văn D số tiền 73.290.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí:

- Bà Phạm Thị Kim T, ông Mai Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T, ông D số tiền 1.800.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0016831 ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

- Bà Trần Thị C, ông Võ D phải chịu 3.664.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phương